

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from MHS Indiana, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc kê toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
VYVANSE CHEW	2	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA			
Antirheumatic Antimetabolites					
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA			
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA			
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSH TOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSH TOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
			Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	<i>oxycodone w/acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))</i>	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
<i>EMVERM CHEW</i>	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANSIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA	<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA	Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA	<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA	Steroid Inhalants		
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
Anti-Inflammatory Agents			PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)	QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Bronchodilators - Anticholinergics			Sympathomimetics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Leukotriene Modulators			<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	STRIVERDI RESPIMAT	2	
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	terbutaline sulfate SOLN	1B	
			terbutaline sulfate TABS	1B	
			TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Xanthines					
			aminophylline SOLN	1B	
			theophylline ELIX	1B	
			theophylline SOLN	1B	QL(56 ml daily)
			theophylline TB12	1B	
			theophylline TB24	1B	
DULERA	2		ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
fluticasone furoate-vilanterol	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	Coumarin Anticoagulants		
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	warfarin sodium TABS	1B	
fluticasone-salmeterol AERO	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	Direct Factor Xa Inhibitors		
formoterol fumarate NEBU	1B	QL(4 ml daily)	ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ipratropium-albuterol SOLN	1B	QL(18 ml daily)	ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	1B		XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
levalbuterol hcl	1B	QL(12 ml daily)	XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
levalbuterol tartrate	1B	QL(0.5 gm daily)	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
			XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML</i>	4	SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>clonazepam TBDP</i>	1B	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
EPIDIOLEX	3	PA	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>topiramate TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)	Carbamates		
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B		<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>lamotrigine TB24</i>	1B		<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)	GABA Modulators		
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)	Hydantoins		
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	DILANTIN	2	
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG, 20 MG, 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG, 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glipizide-metformin hcl</i> 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	1B	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>glyburide-metformin</i> 250 MG-1.25 MG	1B	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin</i> 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(4 ea daily)	XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)	Biguanides		
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 850 MG	0	QL(3 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 1000 MG	1B	QL(2.5 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 500 MG	1B	QL(5 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TB24 750 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TB24 500 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1B	QL(2 ea daily)	Diabetic Other		
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>diazoxide</i>	3	
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA	<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)	JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	Incretin Mimetic Agents		
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
			RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
			TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
			VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ml daily); PA
			Insulin		
			APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
ACTOS (<i>pioglitazone hcl</i>)	3	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
GLUCOTROL XL TB24 (<i>glipizide</i>)	3	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
GLYNASE (<i>glyburide micronized</i>)	3	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
QUZYTIR SOLN IV	3	QL(10 ml daily); PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
WELCHOL TABS (<i>colesevelam hcl</i>)	3	QL(7 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B		<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B		<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
Antiadrenergic Antihypertensives					
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)			
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)			
<i>doxazosin mesylate</i>	1B				
<i>guanfacine hcl</i>	1B				
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV</i> 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR OR</i> 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	1B	QL(300 ml per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
ZYVOX SUSR (<i>linezolid</i>)	3	
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melfhalan</i>	1B	
<i>melfhalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		RUXIENCE	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	TRUXIMA	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	YERVOY	4	SP; PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	PERJETA	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			TUKYSA	4	PA
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	ERBITUX	4	SP; PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
			VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
			Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
			DAURISMO	4	PA
			ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
			ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA	Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
<i>letrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	XPOVIO	4	PA
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA	Antineoplastic Antibiotics		
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA	<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B		<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B		<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA	<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
ORGOVYX	4	PA	<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KYPROLIS	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
BRUKINSA	4	PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	MEKINIST TABS	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKTOVI	4	SP; PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA	PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	QINLOCK	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RETEVMO CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZELBORAF	4	SP; PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ONCASPAR	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
TAFINLAR CAPS	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
VERZENIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA	VORAXAZE	4	SP; PA
XOSPATA	4	PA	Mitotic Inhibitors		
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
			<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
TASMAR (<i>tolcapone</i>)	3	
<i>tolcapone</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily)
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily)
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 3 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG, 7.5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	3	QL(1 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir</i> TABS	1B	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine</i> CAPS	1B	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate</i> TABS	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine</i> CAPS	1B	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine</i> SYRP	1B	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium</i> SOLR	1B	
<i>valganciclovir hcl</i> TABS	1B	QL(4 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir</i> TABS	4	QL(1 ea daily); SP; PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv)</i> TABS	1B	QL(3 ea daily); SP
LEDIPASVIR/SOFOSBUV IR TABS	4	QL(1 ea daily); PA
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> CAPS	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> TABS 200 MG	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA
ZEPATIER	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir</i> CAPS	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir</i> SUSP	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir</i> TABS OR	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir</i> 125 MG, 250 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir</i> 500 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl</i> 500 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl</i> 1 GM, 1000 MG	1B	QL(4 ea daily)
Influenza Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days. ; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(120 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA	<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist			<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
UPTRAVI TITRATION PACK TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	Cephalosporins - 2nd Generation		
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
Sinus Node Inhibitors			<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA	<i>cefprozil TABS</i>	1B	
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA	<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Transthyretin Stabilizers			Cephalosporins - 3rd Generation		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>cefixime CAPS</i>	1B	
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefixime SUSR</i>	1B	PA
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
			<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
			<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
			<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
			Cephalosporins - 4th Generation		
			<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
CHEMICALS			<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
Bulk Chemicals - C's			<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
CLINDAMYCIN PHOSPHATE POWD	1B		<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy			<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
FEMLYV TBDP	0		TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		ANNOVERA	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		Emergency Contraceptives		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		ELLA	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0		<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
NATAZIA	0		Progestin Contraceptives - Injectable		
NEXTSTELLIS	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPk</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBPk</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPk</i>	1B	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; PA
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
Agents for External Genital and Perianal Warts			<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)	ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
Antibiotics - Topical			<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)	<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA	<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
Antifungals - Topical			<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B		<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)			
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Antipsoriatics		
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	PA	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
Antipruritics - Topical			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
Burn Products			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
SULFAMYLN CREA	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	PA
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				
<i>amcinonide OINT</i>	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2		<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2				
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>toremide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (<i>teriparatide</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate</i> TABS 0.2 MG	1B	QL(8 ea daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate</i> KIT	4	PA
<i>octreotide acetate</i> SOLN	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (<i>octreotide acetate</i>)	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan</i> TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol</i> TABS	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl</i> TABS	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl</i> TABS	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
RENAGEL (<i>sevelamer hcl</i>)	3	QL(17 ea daily)
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
<i>sevelamer hcl 800 MG</i>	1B	QL(17 ea daily)
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>anagrelide hcl</i>	1B		ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
CABLIVI	4	PA	LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
<i>cilostazol</i>	1B		MIRCERA	4	PA
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B		NYVEPRIA	4	PA
<i>dipyridamole</i>	1B		PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
ZONTIVITY	3	PA	PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders			PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
Agents for Gaucher Disease			PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA	RETACRIT	4	PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA	UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	UDENYCA SOAJ	4	PA
Agents for Sickle Cell Disease			UDENYCA SOSY	4	PA
DROXIA CAPS	3		ZARXIO	4	PA
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA	ZIEXTENZO	4	PA
Cobalamins			Hematopoietic Mixtures		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)	<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Folic Acid/Folates			Iron		
<i>folic acid TABS</i>	0		<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
Hematopoietic Growth Factors					
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA			
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
<i>MOZOBIL (plerixafor)</i>	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quazepam</i>	3	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 ea daily)			
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 ea daily)			
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)			
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)			
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
Diabetic Supplies			SELECT LANCETS	1B	6.66/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Parenteral Therapy Supplies		
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA	MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC	UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC	Migraine Combinations		
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC	<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
			<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
			Migraine Products		
			<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)
			<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Serotonin Agonists			<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	Bicarbonates		
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-148</i>	1B	
			<i>electrolyte-a</i>	1B	
			IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
			ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
			ISOLYTE-S	1B	
			KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
			<i>lactated ringer's</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1B	
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	1B	
potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	1B	
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	1B	
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	1B	
ringer's	1B	
Fluoride		
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		
magnesium sulfate IJ 50 %	1B	
Phosphate		
potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Potassium		
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	1B	
potassium bicarbonate TBEF	1B	
potassium chloride microencapsulated crystals er	1B	
potassium chloride CPCR	1B	
potassium chloride PACK OR 20 MEQ	1B	PA
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	1B	
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	1B	
Sodium		
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
penicillamine CAPS	1B	PA
penicillamine TABS	1B	QL(8 ea daily)
trientine hcl 250 MG	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
lenalidomide 20 MG	4	QL(1 ea daily); PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -		
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	Drugs to Treat Spasms		
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)	Central Muscle Relaxants		
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>baclofen</i> TABS	1B	
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>carisoprodol</i> TABS	1B	
			<i>chlorzoxazone</i> TABS 750 MG	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 % , 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	PA
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
EXTAVIA KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC (<i>esomeprazole magnesium</i>)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Viral Vaccines			FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ABRYSVO	0		FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0		FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSP	0				
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL INACTIVATED IPV	0	
FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JANSSEN COVID-19 VACCINE	0	
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0		PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		ROTARIX SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		ROTARIX SUSR	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0		ROTATEQ SOLN	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	VAQTA	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
			VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS					
Miscellaneous Vaginal Products					
INTRAROSA				3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides					
TODAY SPONGE MISC				0	
Vaginal Anti-infectives					
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>				1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTOS (pioglitazone hcl)	16	AIMSCO LUBRICATED MISC	51
abacavir sulfate TABS	30	acyclovir CAPS	31	AKYNZEO	17
abacavir sulfate-lamivudine	30	acyclovir SUSP	31	albendazole	7
ABELCET	17	acyclovir TABS OR	31	albuterol sulfate AERS	9
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir topical CREA	40	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir topical OINT	40	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	9
ABRYSVO	66	ADACEL SUSP	64	albuterol sulfate SYRP	9
acamprosate calcium	61	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate TABS	9
acarbose	14	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	alclometasone dipropionate CREA 40	
acebutolol hcl CAPS	32	adapalene CREA	37	alclometasone dipropionate OINT .40	
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL	37	ALDURAZYME	45
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	ALECENSA	26
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	31	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	34	alfuzosin hcl	48
acetazolamide CP12	43	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ...	64	ALINIA SUSR	21
acetazolamide sodium	43	ADVATE	48	aliskiren fumarate	21
acetazolamide TABS 125 MG	43	ADYNOVATE	48	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acetazolamide TABS 250 MG	43	AFLURIA 2024-2025 SUSP	66	almotriptan malate 12.5 MG	54
acetic acid (otic)	60	AFLURIA 2024-2025 SUSY	66	almotriptan malate 6.25 MG	54
acetic acid 0.25 %	47	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	66	ALOCRIAL	59
acetylcysteine SOLN	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66	alogliptin benzoate	15
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	66	alogliptin-metformin hcl	14
acitretin 25 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14
ACTHAR GEL	44	AFSTYLA	48	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14
ACTHIB SOLR IM	65	AIMOVIG	53	ALOMIDE	59
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27				

alose tron hcl	47	amlodipine besylate TABS	32	CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	33		
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20		
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-valsartan	20		
ALPROLIX	48	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20		
ALREX SUSP (lote prednol etabonate)	59	amoxapine	14		
ALTABAX	38	amoxicillin & pot clavulanate CHEW	61		
ALTUVIIIO	48	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	61		
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS	61		
ALUNBRIG TBPk	26	amoxicillin & pot clavulanate TB12	61		
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	60		
alvimopan	47	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	60		
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	60		
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	60		
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin TABS	60		
ambrisentan	33	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	65		
amcinonide CREA	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1		
amcinonide LOTN	40				
amcinonide OINT	40				
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2				
amiloride & hydrochlorothiazide	44				
amiloride hcl TABS	44				
aminocaproic acid TABS	50				
aminophylline SOLN	10				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8				
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	14				
				amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
				amphotericin b IV	17
				amphotericin b liposome	17
				ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	61
				ampicillin CAPS 500 MG	60
				ampicillin sodium IJ 1 GM	60
				anagrelide hcl	49
				anastrozole	25
				ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
				ANNOVERA	35
				ANORO ELLIPTA	9
				ANZEMET TABS 50 MG	17
				APIDRA SOLN	16
				APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
				apomorphine hydrochloride SOCT	28
				apraclonidine hcl	59
				aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17
				aprepitant CAPS 80 MG	17
				aprepitant CAPS	17

aprepitant MISC	17	atenolol & chlorthalidone	20	azelastine hcl (ophth)	59
APTIOM	11	atenolol TABS	32	azelastine hcl	58
APTIVUS CAPS	30	ATGAM	55	AZELEX	37
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azithromycin PACK	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	azithromycin SOLR	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	49	atorvastatin calcium TABS	19	azithromycin SUSR	51
ARCALYST	3	atovaquone	21	azithromycin TABS 250 MG	51
AREXVY	66	atovaquone-proguanil hcl	22	azithromycin TABS 500 MG	51
arformoterol tartrate	9	atracurium besylate 100 MG/10ML 58		azithromycin TABS 600 MG	51
ARIKAYCE	2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	64	bacitracin (ophthalmic)	59
aripiprazole SOLN OR	30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	64	bacitracin	21
aripiprazole TABS	30	ATROVENT HFA	9	baclofen TABS	57
armodafinil	2	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	62	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	35
ARMOUR THYROID TABS	64	AUSTEDO TABS	62	balsalazide disodium CAPS	47
ARNUITY ELLIPTA	9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	62	BALVERSA	26
arsenic trioxide 10 MG/10ML	27	AUSTEDO XR TB24	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
ARZERRA	24	avanafil	33	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
asenapine maleate 2.5 MG	29	AVONEX PEN AJKT	62	BARACLUDE SOLN	31
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	29	AVONEX PSKT	62	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
aspirin CHEW	5	AYVAKIT	25	BAXDELA SOLR	46
aspirin TABS 325 MG	5	azacitidine SUSR	23	BAXDELA TABS	46
aspirin TBEC 325 MG	5	AZASITE	59	BELSOMRA	50
aspirin TBEC 81 MG	5	AZATHIOPRINE	56	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
aspirin-dipyridamole	49	azathioprine TABS	56	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	30	azelaic acid GEL	42	benazepril hcl	19
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	30			bendamustine hcl SOLR	23
				BENEFIX KIT	48

BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	betamethasone valerate LOTN40	BREZTRI AEROSPHERE10
BENZEPRO FOAM 5.3 %37	betamethasone valerate OINT40	BRILINTA49
benzonatate 100 MG37	BETASERON KIT62	brimonidine tartrate (topical)42
benzonatate 150 MG37	betaxolol hcl (ophth) SOLN58	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 59
benzonatate 200 MG36	betaxolol hcl32	brimonidine tartrate-timolol maleate . 58
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %37	bethanechol chloride 25 MG65	brinzolamide60
benzoyl peroxide GEL 10 %37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG65	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..11
benzoyl peroxide GEL 5 %37	bexarotene (topical)39	BRIVIACT TABS11
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %37	bexarotene27	bromfenac sodium (ophth)60
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37	BEXSERO65	bromocriptine mesylate CAPS28
benztropine mesylate SOLN28	bicalutamide25	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG28
benztropine mesylate TABS28	BIKTARVY30	BRUKINSA26
bepotastine besilate59	bimatoprost SOLN60	budesonide (inhalation) SUSP9
BESIVANCE59	bisacodyl SUPP50	budesonide (intrarectal)7
betaine45	bisacodyl TBEC50	budesonide (nasal)58
betamethasone dipropionate (topical) CREA40	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	budesonide CPEP36
betamethasone dipropionate (topical) LOTN40	bisoprolol fumarate32	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10
betamethasone dipropionate (topical) OINT40	bleomycin sulfate 15 UNIT25	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...44
betamethasone dipropionate augmented CREA40	BOOSTRIX SUSP64	bumetanide TABS44
betamethasone dipropionate augmented LOTN40	BOOSTRIX SUSY64	buprenorphine hcl SOLN7
betamethasone dipropionate augmented OINT40	bortezomib SOLR IJ26	buprenorphine hcl SUBL7
betamethasone valerate CREA ...40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG7
betamethasone valerate FOAM ...40	bosentan TABS 125 MG33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG7
	bosentan TABS 62.5 MG33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL7
	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 26	buprenorphine PTWK7
	BOSULIF TABS 400 MG26	
	BRAFTOVI 75 MG26	
	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)10	
	BREO ELLIPTA10	

bupropion hcl (smoking deterrent) 63	calcipotriene SOLN 39	carbidopa28
bupropion hcl TABS13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT 40	carbidopa-levodopa TABS28
bupropion hcl TB12 13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP 40	carbidopa-levodopa TBCR 28
bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG 13	calcitonin (salmon) NA44	carbidopa-levodopa TBDP28
bupirone hcl 5 MG8	calcitriol (topical)39	carbidopa-levodopa-entacapone .28
bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG8	calcitriol CAPS45	carbinoxamine maleate SOLN18
busulfan SOLN23	calcitriol SOLN IV45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS47	carboplatin SOLN 50 MG/5ML23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG4	calcium acetate (phosphate binder) TABs47	carisoprodol TABS57
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG4	calcium chloride (dihydrate) SOLN 54	carmustine23
butalbital-acetaminophen-caffeine TABs 40 MG-50 MG-325 MG4	calcium polycarbophil TABS50	carteolol hcl (ophth)58
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG6	CALQUENCE26	carvedilol32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG6	candesartan cilexetil20	carvedilol phosphate32
butalbital-aspirin-caffeine CAPS4	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide20	casprofungin acetate17
butalbital-aspirin-caffeine w/cod6	capecitabine23	CAYA DPRH51
butenafine hcl38	CAPRELSA26	CAYSTON22
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML7	captopril 12.5 MG19	cefaclor CAPS34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .19	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML34
cabergoline46	carbamazepine CHEW 100 MG ...11	cefadroxil CAPS34
CABLIVI49	carbamazepine CP12 100 MG11	cefadroxil SUSR34
CABOMETYX TABS26	carbamazepine CP12 200 MG11	cefadroxil TABS34
calcipotriene CREA39	carbamazepine CP12 300 MG12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG34
calcipotriene OINT39	carbamazepine SUSP12	cefdinir CAPS34
	carbamazepine TABS12	cefdinir SUSR34
	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM34
	carbamazepine TB12 200 MG12	cefixime CAPS34
		cefixime SUSR34
		cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM 34

cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin hcl (otic)	60
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	34	chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin hcl TABS	46
cefpodoxime proxetil SUSR	34	chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	46
cefpodoxime proxetil TABS	34	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	46
cefprozil SUSR	34	chlorzoxazone TABS 500 MG	58	ciprofloxacin-dexamethasone	60
cefprozil TABS	34	chlorzoxazone TABS 750 MG	57	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	60
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34	CHOLBAM	47	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	69	citalopram hydrobromide SOLN	13
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	69	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13
cefuroxime axetil TABS	34	cholestyramine light PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	34	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13
celecoxib	4	cholestyramine PACK	19	clarithromycin SUSR	51
CELONTIN (methsuximide)	13	cholestyramine POWD	19	clarithromycin TABS	51
cephalexin CAPS	34	cholefenofibrate	19	clarithromycin TB24	51
cephalexin SUSR	34	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44		CLASSIC PRENATAL TABS	56
CERDELGA	49	ciclopirox GEL	38	clemastine fumarate SYRP	18
CEREZYME 400 UNIT	49	ciclopirox olamine CREA	38	clemastine fumarate TABS 2.68 MG	18
cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox olamine SUSP	38	CLIMARA PRO	46
cevimeline hcl	56	ciclopirox SHAM	38	clindamycin hcl	21
CHEMET	16	ciclopirox SOLN	38	clindamycin palmitate hydrochloride	22
CHEMSTRIP-K STRP	43	cidofovir	31	clindamycin phosphate (topical) FOAM	37
chloramphenicol sodium succinate 21		cilostazol	49	clindamycin phosphate (topical) GEL	37
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	CIMDUO	30	clindamycin phosphate (topical) LOTN	37
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	64	cimetidine TABS	64		
chlordiazepoxide-amitriptyline	62	cinacalcet hcl	45		
chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	56	CIPRO SUSR	46		
chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	59		

clindamycin phosphate (topical) SOLN	37	clofarabine	23	colestipol hcl GRAN	19
clindamycin phosphate (topical) SWAB	37	clomiphene citrate TABS	45	colestipol hcl PACK	19
CLINDAMYCIN PHOSPHATE POWD	35	clomipramine hcl	14	colestipol hcl TABS	19
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22	clonazepam TABS	11	COMETRIQ KIT	26
clindamycin phosphate vaginal CREA	68	clonazepam TBDP	11	COMIRNATY 2023-24 SUSP	66
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY 2023-24 SUSY	66
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37	clonidine hcl TABS	20	COMIRNATY 2024-25 SUSY	66
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clonidine PTWK	20	COMIRNATY SUSP	66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 58		clopidogrel bisulfate 300 MG	49	COMPLERA	30
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 58		clopidogrel bisulfate 75 MG	49	CONTRACE	1
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 58		clorazepate dipotassium TABS	8	COPIKTRA	26
clobazam SUSP	11	clotrimazole (topical) CREA	38	CORDRAN TAPE	41
clobazam TABS	11	clotrimazole (topical) SOLN	38	CORLANOR SOLN	34
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40		clotrimazole	56	CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 34	
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	40	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	69	CORTISPORIN-TC	60
clobetasol propionate FOAM	40	clotrimazole w/ betamethasone CREA	38	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	39
clobetasol propionate GEL 0.05 % 40		clotrimazole w/ betamethasone LOTN	38	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	39
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40		clozapine TABS	29	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	39
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40		clozapine TBDP 100 MG	29	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	39
clocortolone pivalate	41	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29		CREON CPEP	43
		clozapine TBDP 25 MG	29	CRESEMBA CAPS 186 MG	18
		COARTEM	22	cromolyn sodium (ophth)	60
		codeine sulfate TABS 30 MG	5	cromolyn sodium NEBU	9
		CODEINE SULFATE TABS	5	crotamiton LOTN	42
		colchicine TABS	48	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	56
		colchicine w/ probenecid	48	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	49
		colesevelam hcl PACK	19		
		colesevelam hcl TABS	19		

cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	58	dalfampridine	62	SC	36
cyclophosphamide CAPS	23	danazol CAPS	7	desipramine hcl TABS	14
cyclophosphamide SOLR IJ	23	dantrolene sodium CAPS	58	desloratadine TABS	18
cycloserine	23	dapagliflozin propanediol	16	desloratadine TBDP 2.5 MG	18
cyclosporine (ophth) EMUL	59	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	14	desmopressin acetate SOLN IJ ...	45
cyclosporine CAPS	56	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	14	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	45
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	56	dapsone	21	desmopressin acetate spray	45
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	56	DAPTACEL	64	desmopressin acetate spray refrigerated	45
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	56	daptomycin 500 MG	21	desmopressin acetate TABS 0.1 MG	45
CYLTEZO AJKT	3	darifenacin hydrobromide	65	desmopressin acetate TABS 0.2 MG	46
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	3	darunavir TABS 600 MG	30	desogestrel & ethinyl estradiol	35
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	darunavir TABS 800 MG	30	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	dasatinib	26	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	DAURISMO	24	desonide CREA	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ...	3	DEBACTEROL	56	desonide LOTN	41
cyproheptadine hcl SYRP	18	decitabine	24	desonide OINT	41
cyproheptadine hcl TABS	18	deferasirox PACK	17	desoximetasone CREA 0.25 % ...	41
CYSTAGON CAPS	47	deferasirox TABS	17	desoximetasone GEL	41
CYSTARAN	60	deferasirox TBSO	17	desoximetasone OINT 0.25 %	41
cytarabine SOLN	23	deferiprone TABS 500 MG	17	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
dabigatran etexilate mesylate CAPS .	11	deflazacort SUSP	36	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14
dacarbazine SOLR 200 MG	27	deflazacort TABS	36	dexamethasone ELIX	36
dactinomycin	25	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	46	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	36
		DELSTRIGO	30	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	59
		demeclocycline hcl TABS	63		
		DEPO-ESTRADIOL	46		
		DEPO-MEDROL SUSP	36		
		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY			

dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	36	diazoxide	15	DILANTIN	12
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	36	dichlorphenamide	43	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13
dexamethasone SOLN	36	diclofenac epolamine PTCH EX	39	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	13
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	36	diclofenac potassium TABS 50 MG	4	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	32
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	36	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32
dexchlorpheniramine maleate SOLN	18	diclofenac sodium (ophth)	60	diltiazem hcl CP12	32
dexlansoprazole	64	diclofenac sodium (topical) GEL EX	39	diltiazem hcl CP24	32
dexmethylphenidate hcl CP24	2	diclofenac sodium TB24	4	diltiazem hcl CP24	32
dexmethylphenidate hcl TABS	2	diclofenac sodium TBEC	4	diltiazem hcl extended release beads	32
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	32
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	dicloxacillin sodium	61	DILTIAZEM HCL SOLR	32
dextroamphetamine sulfate SOLN	1	dicyclomine hcl CAPS	64	diltiazem hcl TABS	32
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1	dicyclomine hcl SOLN OR	64	diltiazem hcl TB24	33
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	dicyclomine hcl TABS	64	dimethyl fumarate CDPK	62
dextrose in lactated ringers	54	DIFFERIN LOTN	37	dimethyl fumarate CPDR	62
DIACOMIT CAPS 250 MG	12	DIFICID TABS	51	DIPENTUM	47
DIACOMIT CAPS 500 MG	12	diflorasone diacetate CREA	41	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG	18
DIACOMIT PACK 250 MG	12	diflorasone diacetate OINT	41	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18
DIACOMIT PACK 500 MG	12	diflunisal TABS	5	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18
diazepam (anticonvulsant) GEL	11	difluprednate	59	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18
diazepam CONC	8	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	33	diphenoxylate w/ atropine LIQD	16
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	33	diphenoxylate w/ atropine TABS	16
diazepam TABS	8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	53	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	64
		dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	53	dipyridamole	49
		DILANTIN (phenytoin sodium extended)	12	disopyramide phosphate CAPS	8

disulfiram	61	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	63	MISC	51
divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	63	DUREX TROPICAL MISC	51
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	63	dutasteride	48
docetaxel CONC 20 MG/ML	27	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	63	dutasteride-tamsulosin hcl	48
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	27	doxycycline hyclate CAPS	63	econazole nitrate CREA	38
docusate calcium	51	doxycycline hyclate SOLR	63	EDARBI	20
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	63	EDURANT	30
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	efavirenz CAPS 200 MG	30
dofetilide	8	dronabinol CAPS	17	efavirenz CAPS 50 MG	30
donepezil hydrochloride TABS 10 MG	61	drospirenone-ethinyl estradiol	35	efavirenz TABS	30
donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	61	drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	35	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	61	DROXIA CAPS	49	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 61		DUAVEE	46	EGRIFTA 2 MG	45
DOPTELET	49	DULERA	10	EGRIFTA SV	45
dorzolamide hcl	60	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	ELAPRASE	45
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	58	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	electrolyte-148	54
DOVATO	30	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42		electrolyte-a	54
doxazosin mesylate	20	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	42	ELESTRIN GEL	46
doxepin hcl (antipruritic)	39	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 42		eletriptan hydrobromide	54
doxepin hcl (sleep)	50	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42		ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
doxepin hcl CAPS	14	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25
doxepin hcl CONC	14	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	51	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10
doxercalciferol CAPS	45	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN		ELIQUIS TABS	10
doxercalciferol SOLN	45			ELLA	35
doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	25			ELMIRON CAPS	48
doxorubicin hcl SOLN	25			ELOCTATE	48
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25			EMCYT	25
				EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36

EMFLAZA TABS (deflazacort)36	MG/0.4ML11	eribulin mesylate 28
EMGALITY SOAJ53	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML11	ERIVEDGE24
EMGALITY SOSY 100 MG/ML53	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML 11	ERLEADA 240 MG 25
EMGALITY SOSY 120 MG/ML53	ENSPRYNG56	ERLEADA 60 MG25
EMSAM13	entacapone28	erlotinib hcl 24
emtricitabine CAPS30	entecavir TABS 31	ERTACZO38
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG30	EPIDIOLEX12	ertapenem sodium IJ 21
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG30	epinastine hcl (ophth) 60	erythromycin (acne aid) PADS 37
EMTRIVA SOLN 30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML69	erythromycin (acne aid) SOLN 37
EMVERM CHEW7	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML69	erythromycin (ophth) 59
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	EPIVIR HBV SOLN 31	erythromycin base CPEP51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	eplerenone 21	erythromycin base TABS 51
enalapril maleate TABS19	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML49	erythromycin base TBEC 51
ENBREL MINI SOCT 4	epoprostenol sodium33	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51
ENBREL SOLN 4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 56	erythromycin ethylsuccinate TABS 51
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML4	EQUETRO 100 MG29	escitalopram oxalate SOLN13
ENBREL SOSY 50 MG/ML 4	EQUETRO 200 MG29	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13
ENBREL SURECLICK SOAJ4	EQUETRO 300 MG29	escitalopram oxalate TABS 20 MG 13
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...66	ERAXIS17	escitalopram oxalate TABS 5 MG . 13
ENGERIX-B SUSY66	ERBITUX24	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG 65
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML11	ergocalciferol CAPS69	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG 65
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML 11	ergocalciferol SOLN OR69	esomeprazole magnesium TBEC .65
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML11	ergoloid mesylates TABS62	ESPEROCT 48
enoxaparin sodium SOSY 40	ERGOMAR SUBL54	estazolam 50
	ergotamine w/ caffeine TABS53	estradiol GEL 0.06 % 46
		estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1

MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	46	exemestane	25	FEMRING	69
estradiol PTTW	46	EXTAVIA KIT	62	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG	19
estradiol PTWK	46	ezetimibe	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
estradiol TABS	46	ezetimibe-simvastatin	18	fenoprofen calcium TABS	4
estradiol vaginal CREA	69	famciclovir 125 MG, 250 MG	31	FENSOLVI SC	45
estradiol vaginal TABS	69	famciclovir 500 MG	31	fentanyl citrate LPOP	5
estradiol valerate	46	famotidine in nacl SOLN	64	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
ESTROGEL GEL (estradiol)	46	famotidine SOLN 20 MG/2ML	64	ferrous fumarate-folic acid	49
eszopiclone	50	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	64	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML	49
ethacrynic acid	44	famotidine SUSR	64	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	50
ethambutol hcl TABS	23	famotidine TABS 20 MG, 40 MG	64	ferrous sulfate TBEC 325 MG	50
ethosuximide CAPS	13	FANAPT	29	fesoterodine fumarate	65
ethosuximide SOLN	13	FANAPT TITRATION PACK	29	FETZIMA CP24	14
ethynodiol diacet & eth estrad	35	FANTASY LUBRICATED MISC	51	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	14
etodolac CAPS	4	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51		
etodolac TABS	4				
etonogestrel-ethinyl estradiol	35	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16	finasteride	48
ETOPOPHOS	28		16	fingolimod hcl	62
etoposide CAPS	28	FARXIGA	16	FIRDAPSE	23
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	28	FASENRA PEN SOAJ	8	FIRMAGON	25
etravirine 100 MG	30	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	flavoxate hcl	65
etravirine 200 MG	30	FC2 FEMALE CONDOM	51	flecainide acetate	8
EUCRISA	42	febuxostat	48	floxuridine	24
EVAMIST SOLN	46	felbamate SUSP	12	FLUAD 2024-2025	66
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	66
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	56	felbamate TABS 600 MG	12		
everolimus TABS	26	felodipine	33	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	66
EVOTAZ	30	FEMCAP DEVI	51		
		FEMLYV TBDP	35	FLUARIX 2024-2025 SUSY	66

FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	66	fluocinolone acetonide (otic)	60	flurandrenolide LOTN	41
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	66	fluocinolone acetonide CREA 0.01 %	41	flurazepam hcl	50
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	66	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	41	flurbiprofen sodium	60
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	66	fluocinolone acetonide OIL	41	flurbiprofen TABS	4
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	66	fluocinolone acetonide OINT	41	flutamide	25
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	66	fluocinolone acetonide SOLN	41	fluticasone furoate-vilanterol	10
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	66	fluocinonide CREA 0.05 %	41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	66	fluocinonide CREA 0.1 %	41	fluticasone propionate (nasal) SUSP .	58
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	66	fluocinonide emulsified base	41	fluticasone propionate CREA 0.05 %	41
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	66	fluocinonide GEL	41	fluticasone propionate hfa	9
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	66	fluocinonide OINT	41	fluticasone propionate LOTN	41
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	66	fluocinonide SOLN	41	fluticasone propionate OINT	41
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluorometholone (ophth) SUSP ...	59	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
fluconazole SUSR	18	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	39	fluticasone-salmeterol AERO	10
fluconazole TABS	18	fluorouracil (topical) SOLN	39	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19
flucytosine	18	fluorouracil 500 MG/10ML	24	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19
fludarabine phosphate SOLN	24	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13	fluvoxamine maleate TABS 100 MG .	13
fludarabine phosphate SOLR	24	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	13
fludrocortisone acetate TABS	36	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13	FLUZONE 2024-2025 SUSP	67
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	67	fluoxetine hcl CPDR	13	FLUZONE 2024-2025 SUSY	67
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluoxetine hcl SOLN	13	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	67
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	67
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	67	fluoxetine hcl TABS 20 MG	13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	67
FLUMIST QUADRIVALENT	67	fluphenazine hcl CONC	29		
flunisolide (nasal) 0.025 %	58	fluphenazine hcl ELIX	29		
		fluphenazine hcl SOLN	29		
		fluphenazine hcl TABS	29		
		flurandrenolide CREA	41		

FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	67	MONITORING SYSTEM	53	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	53	GALAFOLD
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	67	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide CP24 ..
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide SOLN ..
FML FORTE SUSP	59	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide TABS ..
FML OINT	59	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML
folic acid TABS	49	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML	11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMUNEX-C
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	43	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	ganciclovir sodium SOLR
formoterol fumarate NEBU	10	frovatriptan succinate	54	ganirelix acetate
FORTEO SOPN (teriparatide)	44	fulvestrant SOSY	25	GARDASIL 9 SUSP
FOSAMAX PLUS D	44	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	44	GARDASIL 9 SUSY
fosamprenavir calcium TABS	30	furosemide TABS	44	gatifloxacin (ophth)
fosfomycin tromethamine	22	FUZEON SOLR	30	gefitinib
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20	FYCOMPA TABS 2 MG	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG
fosinopril sodium	19	FYCOMPA TABS 4 MG	11	gemfibrozil TABS
fosphenytoin sodium	13	FYCOMPA TABS 6 MG	11	GENOTROPIN CART SC
FRAGMIN SOSY	11	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	gabapentin CAPS	12	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH		gabapentin SOLN	12	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..
				gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..

gentamicin sulfate (topical) CREA .38	glycopyrrolate TABS 1 MG 64	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 11
gentamicin sulfate (topical) OINT ..38	glycopyrrolate TABS 2 MG 64	HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML 2	GLYNASE (glyburide micronized) 16	
GENVOYA30	GLYXAMBI 15	
GILOTRIF 24	GNP PRENATAL TABS 57	HEPLISAV-B SOSY 67
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 62	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS 43	HIBERIX SOLR IJ 65
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 62	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HUMATROPE CART IJ 45
GLEOSTINE 10 MG 23	granisetron hcl TABS 17	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT ..3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG 23	GRASTEK SUBL 2	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .3
glimepiride 1 MG, 2 MG 16	griseofulvin microsize SUSP 18	HUMIRA PEN AJKT 3
glimepiride 4 MG 16	griseofulvin microsize TABS 18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT 3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG 16	griseofulvin ultramicrosize 18	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT 3
glipizide TB24 16	guanfacine hcl (adhd) 1	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT 3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG 15	guanfacine hcl 20	HUMIRA PSKT 3
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG 14	GYNAZOLE-1 69	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC 16
GLUCAGEN DIAGNOSTIC 43	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 3	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC 16
glucagon (rdna) 15	HADLIMA SOSY 3	HYCANTIN CAPS 28
GLUCOTROL XL TB24 (glipizide) .16	HAEGARDA SOLR SC 48	hydralazine hcl SOLN 21
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 16	HALAVEN (eribulin mesylate) 28	hydralazine hcl TABS 21
glyburide TABS 16	halcinonide CREA 41	hydrochlorothiazide CAPS 44
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 15	halobetasol propionate CREA 41	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG 15	halobetasol propionate OINT 41	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG 44
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 47	HALOG OINT 41	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .37
glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML 64	haloperidol decanoate 29	
	haloperidol lactate CONC 29	
	haloperidol lactate SOLN 29	
	haloperidol TABS 29	
	HAVRIX 67	
	HEMANGEOL SOLN OR 32	

hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydromorphone hcl LIQD	5	idarubicin hcl 20 MG/20ML	25
hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5		idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25
hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TABS	5	IDELVION	48
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5	ifosfamide SOLR	23
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	6	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		imatinib mesylate	26
hydrocortisone (intrarectal)	7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22		IMBRUVICA CAPS 140 MG	26
hydrocortisone (rectal) EX	7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22		IMBRUVICA CAPS 70 MG	26
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	41	hydroxyurea	27	IMBRUVICA SUSP	26
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	IMBRUVICA TABS	26
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	41	hydroxyzine hcl SYRP	8	imipenem-cilastatin IV	21
hydrocortisone acetate (rectal)	7	hydroxyzine hcl TABS	8	imipramine hcl TABS	14
hydrocortisone butyrate CREA	41	hydroxyzine pamoate CAPS	8	imipramine pamoate	14
hydrocortisone butyrate OINT	41	HYPERSAL NEBU	37	imiquimod 5 %	42
hydrocortisone butyrate SOLN	41	HYQVIA	60	IMPAVIDO	21
hydrocortisone sod succinate 100 MG	36	ibandronate sodium SOLN	44	INCRELEX	45
hydrocortisone TABS	36	ibandronate sodium TABS	44	INCRUSE ELLIPTA	9
hydrocortisone vaginal	69	IBRANCE CAPS	26	indapamide TABS 1.25 MG	44
hydrocortisone valerate CREA	41	IBRANCE TABS	26	indapamide TABS 2.5 MG	44
hydrocortisone valerate OINT	41	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	4	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	
hydrocortisone w/acetic acid	60	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4	indomethacin CPCR	4
		ibuprofen TABS 800 MG	4	INFANRIX	64
		icatibant acetate SOLN	48	INFLECTRA SOLR	47
		icatibant acetate SOSY	48	INGREZZA CAPS	62
		ICLUSIG	26	INGREZZA CPPK	62
		icosapent ethyl 1 GM	19	INGREZZA CPSP	62
				INLYTA	24
				INREBIC	26
				INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16	

INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16	ISOLYTE-S 54	KALYDECO TABS 63
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN 16	isoniazid SOLN 23	KAMELEON LUBRICATED MISC .51
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP 16	isoniazid SYRP 23	KANJINTI 24
INSULIN ASPART SOLN IJ 16	isoniazid TABS 23	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) 54
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN 16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG 8	KEPIVANCE 6.25 MG 27
INSULIN DEGLUDEC SOLN 16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33	KESIMPTA 62
INTELENCE 25 MG 30	isosorbide mononitrate TABS 8	ketoconazole (topical) CREA 38
INTRAROSA 68	isosorbide mononitrate TB24 8	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .38
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ... 54	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 37	ketoconazole 18
IOPIDINE 59	isradipine CAPS 33	KETONE STRP 43
IPOL INACTIVATED IPV 67	itraconazole CAPS 18	KETONE TEST STRIPS STRP ... 43
ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 58	itraconazole SOLN 18	ketoprofen CAPS 50 MG 4
ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 58	ivabradine hcl TABS 34	ketorolac tromethamine (ophth) ... 60
ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 9	ivermectin (pediculicide) 42	ketorolac tromethamine TABS 4
ipratropium-albuterol SOLN 10	ivermectin 7	KETOSTIX STRP 43
irbesartan 20	IXEMPRA KIT 15 MG 28	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60
irbesartan-hydrochlorothiazide ... 20	JAKAFI 26	KEVZARA SOAJ 3
IRESSA (gefitinib) 24	JANSSEN COVID-19 VACCINE .. 67	KEVZARA SOSY 3
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML 28	JANUMET TABS 15	KIMONO COLORS DEVI 51
irrigation solutions, physiological .. 56	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG 15	KIMONO LUBRICATED MISC 51
ISENTRESS CHEW 30	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG 15	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC 51
ISENTRESS HD TABS 30	JANUVIA 15	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 51
ISENTRESS TABS 30	JARDIANCE 16	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 51
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% 54	JEVTANA 28	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 51
	JIVI 48	
	JULUCA 30	
	JYNARQUE TBPK 46	

KIMONO PS LUBRICATED MISC	51	lactated ringer's (irrigation)	56	lenalidomide 20 MG	55
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52		lactated ringer's	54	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	24
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	52	lactic acid (ammonium lactate) CREA	42	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	24
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52		lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	42	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	24
KIMONO SPECIAL DEVI	52	lactulose (encephalopathy)	47	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	24
KINRIX SUSY	64	lactulose SOLN	50	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	24
KISQALI	26	lamivudine (hbv) TABS	31	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	24
KISQALI FEMARA 200 DOSE	26	lamivudine SOLN	30	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24
KISQALI FEMARA 400 DOSE	26	lamivudine TABS 150 MG	30	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	24
KISQALI FEMARA 600 DOSE	26	lamivudine TABS 300 MG	30	letrozole	25
KLARITY-A	59	lamivudine-zidovudine	30	leucovorin calcium SOLR	27
KOGENATE FS KIT	48	lamotrigine CHEW 25 MG	12	leucovorin calcium TABS	27
KOSELUGO	26	lamotrigine CHEW 5 MG	12	LEUKERAN	23
KOVALTRY	48	lamotrigine TABS	12	LEUKINE SOLR IJ	49
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	57	lamotrigine TB24	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25
KRINTAFEL	22	lamotrigine TBDP	12	levalbuterol hcl	10
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	52	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33	levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	52	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	33	levalbuterol tartrate	10
KYPROLIS	26	lansoprazole CPDR 15 MG	65	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16
labetalol hcl SOLN	32	lansoprazole CPDR 30 MG	65	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG	32	lanthanum carbonate CHEW	47	LEVEMIR SOLN	16
labetalol hcl TABS 300 MG	32	lapatinib ditosylate	26	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML	12	LASTACFT	60	levetiracetam TABS 1000 MG	12
lacosamide TABS	12	latanoprost SOLN	60	levetiracetam TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG	12
		LEDIPASVIR/SOFOSBUVIR TABS 31		levetiracetam TB24	12
		leflunomide	4	levobunolol hcl 0.5 %	58
		lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	55	levocetirizine dihydrochloride SOLN	18

levocetirizine dihydrochloride TABS 18	lincomycin hcl 22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG 20
levofloxacin (ophth) 0.5 % 59	linezolid SUSR 22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML 46	linezolid TABS 22	losartan potassium 20
levofloxacin SOLN OR 46	LINZESS 47	LOTEMAX OINT 59
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 46	liothyronine sodium SOLN 64	loteprednol etabonate GEL 59
levofloxacin TABS 500 MG 46	liothyronine sodium TABS 64	loteprednol etabonate SUSP 59
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 35	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	lovastatin TABS 40 MG 19
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) 35	lisinopril & hydrochlorothiazide ... 20	loxapine succinate 29
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG 35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 19	lubiprostone 47
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) 35	lithium 28	LUCEMYRA (lofexidine hcl) 61
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	lithium carbonate CAPS 29	luliconazole 38
levorphanol tartrate TABS 2 MG 5	lithium carbonate TABS 29	LUMIZYME 45
levothyroxine sodium TABS 64	lithium carbonate TBCR 29	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM 25
LEXIVA SUSP 30	LO LOESTRIN FE TABS 35	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM 25
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % 51	lofexidine hcl 61	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 25
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 56	LOKELMA 56	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 25
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 56	loperamide hcl CAPS 16	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 45
lidocaine hcl GEL 2 % 42	lopinavir-ritonavir SOLN 30	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG 45
lidocaine hcl PRSY 42	lopinavir-ritonavir TABS 30	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG 45
lidocaine hcl SOLN 42	loratadine CAPS 18	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 29
lidocaine PTCH 5 % 42	loratadine CHEW 18	lurasidone hcl 80 MG 29
lidocaine-prilocaine CREA 42	loratadine SOLN 18	LYNPARZA TABS 26
	loratadine TABS 18	
	loratadine TBDP 18	
	lorazepam CONC 8	
	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 8	
	lorazepam TABS 1 MG 8	
	LORBRENA 26	

LYSODREN	25	meloxicam TABS	4	METHADONE HCL SOLN IJ	5
mafenide acetate PACK	40	melphalan	23	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML	5
magnesium sulfate IJ 50 %	55	melphalan hcl IV	23	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5	
malathion	42	memantine hcl TABS	61	methadone hcl TABS 10 MG	5
maraviroc TABS 150 MG	30	MENACTRA	65	methadone hcl TABS 5 MG	5
maraviroc TABS 300 MG	30	MENEST	46	methadone hcl TBSO	5
MARPLAN	13	MENOSTAR PTWK	46	methamphetamine hcl	1
MASONATAL TABS	57	MENQUADFI	65	methazolamide TABS	43
MATULANE	27	MENVEO SOLR	65	methenamine hippurate	22
MAXIDEX SUSP OP	59	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5	methimazole TABS	63
MAXX LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	58
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl TABS 50 MG	5	METHOTREXATE	3
meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meprobamate	8	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	24
meclizine hcl TABS 25 MG	17	mercaptopurine TABS	24	methotrexate sodium SOLR	24
meclofenamate sodium CAPS	4	meropenem	21	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	
MEDROL TABS	36	mesalamine CP24	47	methoxsalen rapid	39
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36	mesalamine CPDR	47	methscopolamine bromide	64
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36	mesalamine ENEM	47	methsuximide	13
medroxyprogesterone acetate 10 MG	61	mesalamine SUPP	47	methyl dopa TABS	20
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	61	mesalamine TBEC 1.2 GM	47	methylphenidate hcl CHEW	2
mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 800 MG	47	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG	2
mefloquine hcl	23	metaxalone 800 MG	58	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2
megestrol acetate (appetite)	61	metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2
megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24	2
megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CP24	2
MEKINIST TABS	26	metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24	2
MEKTOVI	26	metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CPCR	2
		methadone hcl CONC	5		
		methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML	5		

methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	32	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	67
methylphenidate hcl TABS	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	67
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) CREA	42	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY .	67
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42		MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY .	67
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	42	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...	67
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	42	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .	67
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	metronidazole TABS	21	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .	67
methylphenidate PTCH	2	metronidazole vaginal	69	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	67
methylprednisolone acetate SUSP 36		mexiletine hcl	8	moexipril hcl	19
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	36	micafungin sodium	17	mometasone furoate (nasal) SUSP	58
methylprednisolone TABS	36	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	69	mometasone furoate CREA	41
methylprednisolone TBPK	36	midodrine hcl	69	mometasone furoate OINT	41
methyltestosterone TABS	7	miglitol	14	mometasone furoate SOLN	41
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	47	miglustat	49	montelukast sodium CHEW	9
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	47	minocycline hcl CAPS	63	montelukast sodium PACK	9
metoclopramide hcl TABS	47	minocycline hcl TABS	63	montelukast sodium TABS	9
metolazone	44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	5
metoprolol & hydrochlorothiazide TABs 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	MIRCERA	49	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5
metoprolol & hydrochlorothiazide TABs 25 MG-50 MG	20	mirtazapine TABS	13	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5
metoprolol succinate TB24 200 MG 32		mirtazapine TBDP	13	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	misoprostol	65	morphine sulfate TABS	5
		mitomycin SOLR IV 20 MG	25	morphine sulfate TBCR	5
		mitoxantrone hcl 2 MG/ML	26	MOTOFEN	16
		M-M-R II SOLR	67		
		M-NATAL PLUS TABS	57		
		modafinil 100 MG	2		
		modafinil 200 MG	2		

MOVANTIK	47	naproxen TBEC 500 MG	4	NEUPRO	28
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	59	naratriptan hcl	54	NEVANAC	60
moxifloxacin hcl in sodium chloride		NATACYN	59	nevirapine SUSP	30
46		NATAZIA	35	nevirapine TABS	30
moxifloxacin hcl TABS	46	nateglinide	16	nevirapine TB24 100 MG	30
MOZOBIL (plerixafor)	50	NAYZILAM	11	nevirapine TB24 400 MG	30
MULPLETA	49	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole	
MULTI PRENATAL TABS	57	32		magnesium)	65
mupirocin OINT	38	nebivolol hcl 20 MG	32	NEXTSTELLIS	35
MVASI	24	NEBUSAL NEBU	37	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19
MYALEPT	45	nefazodone hcl	14	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	69
mycophenolate mofetil CAPS	56	nelarabine	24	niacin TABS	69
mycophenolate mofetil TABS	56	neomycin sulfate TABS	2	niacin TBCR	69
mycophenolate sodium	56	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	59	NIACIN TR TBCR	69
MYLERAN TABS	23	neomycin-polymy-dexameth OINT	59	niacinamide TABS 100 MG	69
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	59	niacinamide TABS 500 MG	69
nadolol TABS 20 MG	32	59		nicardipine hcl CAPS	33
nadolol TABS 40 MG	32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ..	59	nicardipine hcl SOLN	33
nadolol TABS 80 MG	32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	60	nicotine MISC XX	63
naftillin sodium IV 10 GM	61	60		nicotine polacrilex GUM	63
naftifine hcl CREA 1 %	38	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	60	nicotine polacrilex LOZG	63
naftifine hcl CREA 2 %	38	60		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	
NAGLAZYME	45	NEONATAL COMPLETE TABS 120		MG/24HR, 21 MG/24HR	63
nalbuphine hcl	7	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		NICOTINE TRANSDERMAL	
naloxone hcl LIQD	17	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		SYSTEM KIT	63
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4		27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		NICOTROL INHALER INHA	63
MG/10ML	17	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	57	NICOTROL NS SOLN	63
naltrexone hcl	17	NEONATAL PLUS TABS	57	nifedipine CAPS 10 MG	33
naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	NEONATAL PRENATAL VITAMIN		nifedipine CAPS 20 MG	33
naproxen SUSP	4	TABS	57	nifedipine TB24 60 MG	33
naproxen TABS	4	NEONATAL VITAMIN TABS	57	nifedipine TB24 90 MG	33
		neostigmine methylsulfate SOSY ..	23		
		NEO-SYNALAR	38		

nifedipine TB24	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35	NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nilutamide	25	norethindrone (contraceptive)	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nimodipine CAPS	33	36	NOVOLIN N SUSP	16
NINLARO	26	norethindrone acet & eth estra TABS 35	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
NIPENT	27	norethindrone acetate TABS	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nisoldipine	33	61	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	NP THYROID 120 TABS	64
nitisinone CAPS	45	46	NP THYROID 15 TABS	64
NITRO-BID OINT	8	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	NP THYROID 30 TABS	64
nitrofurantoin	22	35	NP THYROID 60 TABS	64
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	NP THYROID 90 TABS	64
nitrofurantoin monohyd macro	22	35	NUBEQA	25
nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	NUCALA SOAJ	9
nitroglycerin CPR	8	35	NUCALA SOLR	9
nitroglycerin PT24	8	norgestimate-ethinyl estradiol	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	35	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9
nitroglycerin SUBL	8	NORMOSOL-M/D5W	NUCYNTA ER TB12	5
NIVA-PLUS TABS	57	55	NUCYNTA TABS	6
nizatidine CAPS	64	NORMOSOL-R	NUEDEXTA	62
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	45	55	NULOJIX	56
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	45	NORVIR CAPS	nystatin (mouth-throat)	56
norelgestromin-ethinyl estradiol	35	30	nystatin (topical) CREA	38
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NORVIR PACK	nystatin (topical) OINT	38
norethin acet & estrad-fe CHEW ..	35	30	nystatin (topical) POWD EX	38
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NORVIR SOLN	nystatin TABS	18
norethindrone & eth estradiol	35	30	nystatin-triamcinolone CREA	38
		NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	nystatin-triamcinolone OINT	38
		43	NYVEPRIA	49
		NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	octreotide acetate KIT	46
		68	octreotide acetate SOLN	46
		NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP		
		67		
		NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY		
		68		
		NOVOEIGHT		
		48		
		NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN		
		16		

ODEFSEY	31	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
ODOMZO	24	ondansetron hcl SOSY	17	oxandrolone	7
OFEV	63	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxaprozin TABS	4
ofloxacin (ophth)	59	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxazepam CAPS	8
ofloxacin (otic)	60	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	OXBRYTA TABS 500 MG	49
ofloxacin 300 MG, 400 MG	46	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
OGIVRI	24	ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
olanzapine SOLR	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	57	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
olanzapine TABS 15 MG, 20 MG	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	57	oxiconazole nitrate CREA	39
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG, 7.5 MG, 10 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	53	OXISTAT LOTN	39
olanzapine TBDP 20 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	53	oxybutynin chloride SOLN	65
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	OPILL	36	oxybutynin chloride TABS 5 MG	65
olmesartan medoxomil	20	OPSUMIT	33	oxybutynin chloride TB24	65
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	ORENITRAM TBCR	33	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	ORGOVYX	25	oxycodone hcl TABS	6
olopatadine hcl (nasal)	58	ORLISSA	45	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
olopatadine hcl 0.1 %	60	ORKAMBI PACK	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
olopatadine hcl 0.2 %	60	ORKAMBI TABS	63	oxymorphone hcl TABS	6
omega-3-acid ethyl esters	19	ORLADEYO	48	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
omeprazole CPDR	65	orphenadrine citrate TB12	58	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	6
omeprazole magnesium CPDR	65	oseltamivir phosphate CAPS	32	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	15
omeprazole TBEC	65	oseltamivir phosphate SUSR	32	OZEMPIC SOPN	15
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	65	OSMOPREP	50	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28
OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	OSPHENA	45	paclitaxel protein-bound particles	28
ONCASPAR	27	OTEZLA TABS	4	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	29
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	17	OTEZLA TBPK	4		
		oxacillin sodium IV 10 GM	61		

paliperidone 6 MG	29	chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	50	PERSERIS PRSY	29
palonosetron hcl SOLN	17	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	50	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	68
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	44	PEGASYS SOLN	31	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	68
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44		PEGASYS SOSY	31	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	68
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	43	PEMAZYRE	26	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	68
PANRETIN	39	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	68
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65		penciclovir	40	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	68
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65		penicillamine CAPS	55	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	68
paricalcitol CAPS	45	penicillamine TABS	55	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	68
paricalcitol SOLN	45	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	68
paroxetine hcl SUSP	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	61	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	68
paroxetine hcl TABS 10 MG, 20 MG, 40 MG	14	PENICILLIN G PROCAINE	61	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ...	68
paroxetine hcl TABS 30 MG	14	penicillin g sodium	61	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...	68
paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14	penicillin v potassium SOLR	61	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	68
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	penicillin v potassium TABS	61	PHEBURANE PLLT	45
PASER PACK	23	PENTACEL	64	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	48
pazopanib hcl	26	pentazocine w/ naloxone hcl	7	phendimetrazine tartrate TABS	1
PEDIARIX SUSY	64	pentoxifylline	48	phenelzine sulfate	13
PEDVAX HIB SUSP	65	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	19	phenobarbital ELIX	50
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	50	perindopril erbumine 4 MG	19	phenobarbital TABS	50
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod		PERJETA	24	phenoxybenzamine hcl	20
		permethrin CREA	42		
		permethrin LIQD EX	42		
		perphenazine TABS	29		
		perphenazine-amitriptyline	62		

prednisolone acetate (ophth)59	PRENATAL PLUS TABS 57	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE59	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS 57	prochlorperazine 29
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 36	PRENATAL TABS 57	prochlorperazine maleate TABS ...29
prednisolone sodium phosphate TBDP36	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS57	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML49
prednisolone SOLN36	PRENATAL VITAMIN TABS57	PROCRIT 40000 UNIT/ML 49
prednisolone TABS36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 57	progesterone CAPS61
prednisone SOLN36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS57	PROGRAF PACK56
prednisone TABS 1 MG, 5 MG36	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT57	PROGRAF SOLN56
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG36	PRENATRIX TABS 57	PROLASTIN-C SOLN63
prednisone TBPK36	PRENATRYL TABS57	PROLEUKIN 27
pregabalin (once-daily) 330 MG ...62	PREVNAR 13 65	PROLIA SOSY44
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG62	PREVNAR 20 65	PROMACTA PACK49
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	PREZCOBIX31	PROMACTA TABS 49
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...12	PREZISTA SUSP31	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML18
pregabalin SOLN12	PREZISTA TABS (darunavir)31	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG 18
PREHEVBRIO68	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG31	promethazine hcl SUPP 50 MG ...18
PREMARIN69	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)31	promethazine hcl TABS18
PREMARIN SOLR46	PRIFTIN23	propafenone hcl CP12 8
PREMARIN TABS46	primaquine phosphate TABS23	propafenone hcl TABS8
PREMPHASE46	primidone 50 MG, 250 MG12	proparacaine hcl59
PREMPRO46	PRIORIX SUSR68	propranolol hcl CP2432
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57	probenecid48	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML32
PRENATAL ONE DAILY TABS ...57		propranolol hcl TABS32
		propylthiouracil64
		PROQUAD SUSR68
		protriptyline hcl14

PULMICORT FLEXHALER AEPB .. 9	rabeprazole sodium TBEC 65	BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP 43
PULMOZYME 63	raloxifene hcl 45	RENAGEL (sevelamer hcl) 47
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS 57	ramelteon 50	RENFLEXIS 47
pyrazinamide 23	ramipril CAPS 20	repaglinide 0.5 MG, 1 MG 16
pyridostigmine bromide SOLN OR 23	ranitidine hcl TABS 150 MG 64	repaglinide 2 MG 16
pyridostigmine bromide TABS 60 MG 23	ranolazine TB12 1000 MG 8	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT 19
pyridostigmine bromide TBCR 23	ranolazine TB12 500 MG 8	REPATHA SOSY 19
pyrimethamine 23	rasagiline mesylate 28	REPATHA SURECLICK SOAJ 19
QC PRENATAL TABS 57	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC . 52	RETACRIT 49
QINLOCK 26	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI 52	RETEVMO CAPS 27
QUADRACEL SUSP 64	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52	RETROVIR IV INFUSION SOLN .. 31
QUADRACEL SUSY 64	REBIF REBIDOSE SOAJ 62	REXULTI 30
quazepam 50	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ 62	ribavirin (hepatitis c) CAPS 31
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG 29	REBIF SOSY 62	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG 29	REBIF TITRATION PACK SOSY .. 62	RIDAURA 3
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG 29	RECOMBIVAX HB SUSP 68	rifabutin 23
quinapril hcl 20 MG, 40 MG 20	RECOMBIVAX HB SUSY 68	rifampin CAPS 23
quinapril hcl 5 MG, 10 MG 20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) . 7	rifampin SOLR 23
quinapril-hydrochlorothiazide 21	REGRANEX 42	riluzole TABS 58
quinidine sulfate TABS 8	RELENZA DISKHALER 32	rimantadine hydrochloride TABS .. 32
quinine sulfate CAPS 324 MG 23	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G 53	ringer's 55
QUZYTTIR SOLN IV 18	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G 53	ringer's irrigation 56
QVAR REDIHALER 9	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G 53	RINVOQ LQ SOLN 2
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS 57	RELION KETONE TEST STRIPS STRP 43	RINVOQ TB24 2
RA PRENATAL TABS 57	RELION TRUE METRIX	risedronate sodium TABS 150 MG 44
		risedronate sodium TABS 35 MG . 44
		risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG 44

risedronate sodium TBEC	44	RUKOBIA	31	sertraline hcl TABS 100 MG	14
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	29	RUXIENCE	24	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14	
risperidone microspheres	29	RYBELSUS TABS	15	sevelamer carbonate PACK	47
risperidone SOLN	29	salsalate	5	sevelamer carbonate TABS	47
risperidone TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 3 MG	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate)	46	sevelamer hcl 800 MG	47
risperidone TABS 4 MG	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .	46	SHINGRIX	68
risperidone TBDP	29	SANTYL OINT	42	SIGNIFOR	46
ritonavir TABS	31	sapropterin dihydrochloride PACK .	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33
rivastigmine tartrate CAPS	61	sapropterin dihydrochloride TABS .	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	34
rizatriptan benzoate TABS 10 MG .	54	SAVELLA TABS	62	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	34
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	54	SAVELLA TITRATION PACK MISC 62		sildenafil citrate	33
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .	54	saxagliptin hcl	15	silodosin	48
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	15	silver sulfadiazine	40
roflumilast	9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15	SIMPONI ARIA SOLN	3
romidepsin SOLR	27	SCEMBLIX 100 MG	27	SIMULECT	56
ropinirole hydrochloride TABS	28	SCEMBLIX 20 MG	27	simvastatin TABS	19
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	28	SCEMBLIX 40 MG	27	sirolimus TABS	56
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	28	scopolamine	17	SIRTURO	23
rosuvastatin calcium TABS	19	SELECT INSULIN SYRINGES ...	53	SIVEXTRO TABS	22
ROTARIX SUSP	68	SELECT LANCETS	53	SKYRIZI PEN SOAJ	39
ROTARIX SUSR	68	selegiline hcl CAPS	28	SKYRIZI SOCT	47
ROTATEQ SOLN	68	selegiline hcl TABS	28	SKYRIZI SOLN	47
ROZLYTREK CAPS	27	selenium sulfide LOTN 2.5 %	40	SKYRIZI SOSY	39
RUBRACA	27	SELZENTRY SOLN	31	SLYND	36
rufinamide SUSP	12	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31		SM PRENATAL VITAMINS TABS .	57
rufinamide TABS 200 MG	12	SEREVENT DISKUS	10	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	54
rufinamide TABS 400 MG	12	sertraline hcl CONC	14	sodium acetate SOLN	54

sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32	STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	68	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
sodium citrate & citric acid	47	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	68	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68	sucalfate SUSP	64
sodium phenylbutyrate POWD	45	spinosad	42	sucalfate TABS	64
sodium phenylbutyrate TABS	45	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)	9	sulconazole nitrate CREA	39
sodium polystyrene sulfonate POWD	56	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sulconazole nitrate SOLN	39
sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	56	spironolactone & hydrochlorothiazide	44	sulfacetamide sodium (acne)	37
sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	50	spironolactone TABS	44	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	59
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	31	SPRAVATO 56MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	37
solifenacin succinate TABS	65	SPRAVATO 84MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	37
SOLQUA 100/33	15	SPRYCEL (dasatinib)	27	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38
SOLOSEC	2	stannous fluoride CONC	56	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	stavudine CAPS	31	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	59
SOLU-CORTEF 250 MG	36	STELARA 130 MG/26ML	47	sulfadiazine TABS	63
SOLU-MEDROL 2 GM	36	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	39	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	45	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	39	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21
sorafenib tosylate	27	STELARA SOSY 90 MG/ML	39	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21
SORBITOL 3 %	48	STENDRA	33	SULFAMYLON CREA	40
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	48	STIOLTO RESPIMAT	10	sulfasalazine TABS	47
sotalol hcl (afib/afI)	32	STIVARGA	27	sulfasalazine TBEC	47
sotalol hcl TABS 240 MG	32	STRENSIQ	45	sulindac TABS	4
		streptomycin sulfate SOLR	2		
		STRIBILD	31		

sumatriptan	54	TAGRISSO 40 MG	24	31	
sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 80 MG	24	terazosin hcl	20
sumatriptan succinate SOCT	54	TAKHZYRO SOLN	48	terbinafine hcl TABS	18
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOSY	48	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan succinate TABS	54	TALZENNA	27	terbutaline sulfate TABS	10
sumatriptan-naproxen sodium	53	tamoxifen citrate TABS	25	terconazole vaginal CREA	69
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tamsulosin hcl	48	terconazole vaginal SUPP	69
sunitinib malate 37.5 MG	27	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	teriflunomide	62
SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 50 MG	27	teriparatide SOPN	44
SUNOSI 75 MG	1	TASMAR (tolcapone)	28	TERIPARATIDE SOPN	44
SYNAREL	45	tavorole	39	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
SYNERA PTCH	42	TAVALISSE	48	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SYNJARDY TABS	15	tazarotene CREA 0.1 %	39	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TAZVERIK	27	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	64
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TDVAX SUSP	64	tetrabenazine	62
SYNRIBO	27	TEFLARO	35	tetracycline hcl CAPS	63
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	64	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		THALOMID	55
TABLOID	24	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX	10
TABRECTA	27	TEGSEDI	63	theophylline SOLN	10
tacrolimus (topical) OINT	42	telmisartan	20	theophylline TB12	10
tacrolimus CAPS	56	telmisartan-amlodipine	21	theophylline TB24	10
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	34	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	57
tadalafil 5 MG	33	temazepam 15 MG, 30 MG	50	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	48
TAFINLAR CAPS	27	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	50	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	48
tafluprost	60	TEMODAR SOLR	23	thioridazine hcl	29
		temozolomide CAPS	23	thiotepa 15 MG	23
		temsirolimus	27	thiothixene	30
		TENIVAC INJ	64		
		tenofovir disoproxil fumarate TABS			

THYMOGLOBULIN	56	topiramate CS24	12	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML ...	40
THYROGEN 0.9 MG	43	topiramate TABS 100 MG, 200 MG	12	treprostinil SOLN IJ	33
tiagabine hcl	12	topiramate TABS 25 MG, 50 MG ..	12	tretinoin (chemotherapy)	27
TIBSOVO	27	topotecan hcl SOLR	28	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	
tigecycline	63	toremifene citrate	25	%	38
timolol maleate (ophth) SOLG	58	torsemide TABS	44	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	38
timolol maleate (ophth) SOLN	58	TRACLEER TBSO	33	tretinoin microsphere 0.1 %	38
timolol maleate TABS	32	tramadol hcl TABS 50 MG	6	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10	
tiopronin TBEC 100 MG	48	tramadol hcl TB24	6	MG, 15 MG	24
tiopronin TBEC 300 MG	48	tramadol-acetaminophen	7	triamcinolone acetonide (mouth) ..	56
tiotropium bromide monohydrate		trandolapril 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (nasal)	
CAPS	9	trandolapril 4 MG	20	AERO	58
TIVICAY TABS	31	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2		triamcinolone acetonide (topical)	
tizanidine hcl CAPS	58	MG, 240 MG-1 MG	21	CREA 0.025 %	41
tizanidine hcl TABS	58	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2		triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin (ophth) SOLN	59	MG, 240 MG-4 MG	21	CREA 0.5 %	41
tobramycin NEBU	2	tranexamic acid SOLN 1000		triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin sulfate SOLN IJ 10		MG/10ML	50	LOTN 0.025 %	42
MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2	tranexamic acid TABS	50	triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin-dexamethasone SUSP		tranylcypromine sulfate	13	LOTN 0.1 %	41
59		travoprost SOLN	60	triamcinolone acetonide (topical)	
TODAY SPONGE MISC	68	TRAZIMERA	24	OINT 0.025 %, 0.1 %	42
tolcapone	28	trazodone hcl TABS	14	triamcinolone acetonide (topical)	
tolmetin sodium CAPS	4	TRECATOR	23	OINT 0.5 %	42
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRELEGY ELLIPTA	10	triamcinolone acetonide SUSP 40	
TOLSURA CAPS	18	TRELSTAR MIXJECT	25	MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	
tolterodine tartrate CP24	65	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	40	36
tolterodine tartrate TABS	65	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML ...	40	triamterene & hydrochlorothiazide	
tolvaptan TABS	46	TREMFYA SOLN	40	CAPS 25 MG-37.5 MG	44
topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	40	triamterene & hydrochlorothiazide	
topiramate CPSP 25 MG	12			TABS	44
				triamterene CAPS	44
				triazolam	50

TRICARE TABS	57	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	43	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52
trientine hcl 250 MG	55	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	53	TRUXIMA	24
trifluoperazine hcl TABS	30	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	43	TUKYSA	24
trifluridine	59	TRUETRACK TEST STRP	43	TURALIO	27
trihexyphenidyl hcl SOLN	28	TRULICITY	15	TUZISTRA XR	37
trihexyphenidyl hcl TABS	28	TRUMENBA	65	TWINRIX SUSY	68
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	52	TWIRLA	35
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	52	TYBLUME CHEW	35
TRIKAFTA TBPK	63	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	52	TYBOST	31
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX LUBRICATED MISC ..	52	TYMLOS	44
trimethoprim TABS	21	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED	52	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	33
trimipramine maleate CAPS	14	MISC	52	TYVASO SOLN IN	33
TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	52	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	33
TRIUMEQ TABS	31	TRUSTEX		UBRELVY	53
TRIZIVIR	31	LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	52	UCERIS (budesonide (intrarectal))	.7
TROJAN MAGNUM MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA	52	UDENYCA ONBODY SOSY	49
TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	52	LARGE MISC	52	UDENYCA SOAJ	49
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA	52	UDENYCA SOSY	49
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	52	STRENGTH MISC	52	UPTRAVI TABS 200 MCG	34
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	34
tropicamide SOLN 0.5 %	58	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	52	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	34
tropicamide SOLN 1 %	58	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDED MISC	52	ursodiol CAPS	47
tropium chloride CP24	65	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	52	ursodiol TABS	47
tropium chloride TABS	65	52		UVADEX	27
TRUE COVER DEVI	52	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	52	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	31
				valacyclovir hcl 500 MG	31
				valganciclovir hcl TABS	31

valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	MG, 300 MG	33	VYNDAQEL	34
valproic acid CAPS	13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	33	VYVANSE CAPS	1
valrubicin	26	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	33	VYVANSE CHEW	1
valsartan TABS	20	verapamil hcl TABS	33	warfarin sodium TABS	10
valsartan-hydrochlorothiazide	21	verapamil hcl TBCR	33	water for irrigation, sterile	56
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11	VEREGEN	38	WELCHOL TABS (colesevelam hcl) . 19	
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	11	VERZENIO	27	WESTAB PLUS TABS	57
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	11	VICTOZA (liraglutide)	15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	52
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	vigabatrin PACK	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	52
vancomycin hcl CAPS	21	vigabatrin TABS	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	52
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	21	VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	52
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	21	vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	52
VAQTA	68	vincristine sulfate	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	52
varenicline tartrate TABS	63	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53
varenicline tartrate TBPK	63	VIRACEPT TABS 250 MG	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53
VARIVAX SUSR	68	VIRACEPT TABS 625 MG	31	XALKORI CAPS	27
VARUBI TBPK	17	VIREAD POWD	31	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	
VAXNEUVANCE	65	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	31	XARELTO SUSR	10
VECAMYL	21	VISTOGARD	17	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10
VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	69	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10
VELPHORO	47	VITATHELY/GINGER TABS	57	XELJANZ SOLN	3
venlafaxine hcl CP24 150 MG	14	VITRAKVI CAPS	27	XELJANZ TABS 10 MG	3
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG, 75 MG	14	VITRAKVI SOLN	27	XELJANZ TABS 5 MG	3
venlafaxine hcl TABS	14	VIZIMPRO	24		
venlafaxine hcl TB24 150 MG	14	VORAXAZE	27		
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	14	voriconazole TABS	18		
verapamil hcl CP24 100 MG, 200		VOSEVI	31		
		VOTRIENT (pazopanib hcl)	27		
		VYNDAMAX	34		

XELJANZ XR TB24	3	XYNTHA SOLOFUSE	48	ZIRGAN GEL	59
XEOMIN	58	YERVOY	24	ZOLADEX 10.8 MG	25
XERAHA	63	YONSA	25	ZOLADEX 3.6 MG	25
XGEVA SOLN	44	zafirlukast	9	zoledronic acid CONC	44
XHANCE EXHU	58	zaleplon 10 MG	50	zoledronic acid SOLN	44
XIFAXAN 200 MG	21	zaleplon 5 MG	50	ZOLINZA	27
XIFAXAN 550 MG	21	ZALTRAP 100 MG/4ML	24	zolmitriptan SOLN	54
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15	ZANOSAR	23	zolmitriptan TABS	54
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zolmitriptan TBDP	54
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZARXIO	49	zolpidem tartrate TABS	50
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZEJULA CAPS	27	zolpidem tartrate TBCR	50
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	ZEJULA TABS 100 MG	27	zonisamide CAPS	12
XOLAIR SOLR	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .	27	ZONTIVITY	49
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZELBORAF	27	ZORBIVE SC	45
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	43	ZYDELIG	27
XOSPATA	27	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	43	ZYLET	59
XPOVIO	25	ZEPATIER	31	ZYVOX SUSR (linezolid)	22
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		zidovudine CAPS	31		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25		zidovudine SYRP	31		
XTAMPZA ER	6	zidovudine TABS	31		
XTANDI CAPS	25	ZIEXTENZO	49		
XTANDI TABS 40 MG	25	zileuton TB12	9		
XTANDI TABS 80 MG	25	ziprasidone hcl	29		
XULTOPHY 100/3.6	15	ZIRABEV	24		
XYNTHA	48				

